

Bản án số: 134/2025/DSST
Ngày 03 - 4 - 2025
V/v: Tranh chấp
Hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Mai

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân quận G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa:

Bà Trương Thị Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1389/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-DS ngày 11/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2025/QĐST-DS ngày 04/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V; (Ngân hàng V1); trụ sở chính: Số H, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Ngô Chí D; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Anh T (văn bản ủy quyền số 12759/2024/UQ- V1 ngày 21/10/2024) (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Đinh Đức T; địa chỉ: Số H đường D, Phường E, quận G, Tp.Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/10/2024 Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1 trình bày:

Ông Đinh Đ T có vay tín dụng tại Ngân hàng TMCP V(gọi là V1, theo các hợp đồng tín dụng như sau:

LN2301108122372 số tiền vay là 150.000.000đồng, thời hạn vay 48 tháng, điều chỉnh hợp đồng ngày 12/01/2023.

LN2301128154602 số tiền vay là 140.000.000 đồng thời hạn vay 60 tháng, điều chỉnh hợp đồng ký ngày 13/01/2023.

LN2301128151602 số tiền vay là 140.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, điều chỉnh hợp đồng ký ngày 13/01/2023.

LN2301278203219 số tiền vay là 120.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, điều chỉnh hợp đồng ký ngày 01/02/2023.

LN2302018234199 số tiền vay là 60.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, điều chỉnh hợp đồng ký ngày 02/02/2023.

Ngoài ra, ông Đinh Đức T ký hợp đồng mở thẻ tín dụng số 325-P-2428282 ngày 21/3/2023 hạn mức 100.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn, ông Đinh Đ T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, lãi, vì vậy V1 chuyển toàn bộ khoản nợ của ông T sang nợ quá hạn kể từ ngày 10/5/2023 cụ thể, nợ gốc: tính đến ngày 15/10/2024 ông Đinh Đ T còn nợ V1 số tiền là: 691.750.381 đồng. nợ lãi là 425.140.900 đồng. Tổng số nợ gốc, lãi là: 1.116.891.281 đồng, (một tỷ một trăm mười sáu triệu tám trăm chín mươi một ngàn hai trăm tám mươi một đồng). Yêu cầu ông Đinh Đ T tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, kể từ ngày 16/10/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ cho V1

Ngày 04/3/2025, đại diện V1 rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng LN2301128154602, ký ngày 13/01/2023.

Hợp đồng LN2301128151602, ký ngày 13/01/2023.

Hợp đồng LN2301278203219, ký ngày 01/02/2023.

Yêu cầu ông Đinh Đ T thanh toán các khoản vay tại V1 theo các hợp đồng tín dụng điện tử:

- LN2301108122372 ký ngày 09/01/2023; số tiền vay: 150.000.000 đồng, thời hạn vay: 48 tháng (từ ngày 12/01/2023 đến ngày 10/01/2027). Lãi suất trong hạn tại thời điểm phát vay: 25%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo thỏa thuận hợp đồng. Mục đích vay: vay tiêu dùng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đinh Đ T đã thanh toán cho V1 tổng số tiền là 14.898.819 đồng, (gồm tiền nợ gốc là 5.983.189 đồng và tiền lãi là 8.915.630 đồng). Tính đến ngày 04/3/2025, ông Đinh Đ T còn nợ V1 số tiền gốc: 144.016.811 đồng; nợ lãi là 102.166.907 đồng. Tổng số tiền là 246.183.718 đồng (1).

- Hợp đồng điện tử tín dụng số LN2302018234199 ký ngày 01/02/2023 cụ thể: Số tiền vay: 60.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng (từ ngày 02/02/2023 đến ngày 05/01/2028) lãi suất trong hạn là 25%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo thỏa thuận hợp đồng, mục đích vay tiêu dùng. Ông Đinh Đ T đã thanh toán cho V1 tổng số tiền là 3.557.790 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 1.020.565 đồng, tiền lãi là 2.537.225 đồng). Tính đến ngày 04/3/2025, ông Đinh

Đ T còn nợ V1 số tiền gốc là 58.979.435 đồng; lãi là 41.840.577 đồng, tổng số tiền gốc và lãi là 100.820.012 đồng (2).

- Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Ngày 21/3/2023 hạn mức 100.000.000 đồng, tính đến ngày 04/3/2025, ông Đinh Đ T còn nợ V1 số tiền theo hợp đồng số tiền là 202.875.603 đồng (3), (trong đó nợ gốc là 98.810.000 đồng, nợ lãi là 104.065.603 đồng).

Ngày 10/5/2023 V1 chuyển toàn bộ số nợ gốc của ông T sang nợ quá hạn. Yêu cầu ông T phải thanh toán ngay cho V1 toàn bộ số tiền nợ tiền gốc và lãi tính đến ngày 04/3/2025 của các hợp đồng (1)+(2)+(3) gồm nợ gốc là 301.806.246 đồng, lãi là 248.073.087 đồng. Tổng số tiền là 549.879.333 đồng, (năm trăm bốn mươi chín triệu tám trăm bảy mươi chín ngàn ba trăm ba mươi ba đồng). Ông Đinh Đức T phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, kể từ ngày 05/3/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho V1

Bị đơn là ông Đinh Đ T: Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo kiểm tra phiên họp, cung cấp chứng cứ, chứng minh, đối chất và hòa giải tại nơi cư trú của ông T nhưng ông T không đến Tòa theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ, chứng minh hoặc phản hồi ý kiến theo đề nghị của nguyên đơn. Nên vụ án được giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu ý kiến:

Về giải quyết và xét xử vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện; Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả khoản vay tín dụng còn nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng TMCV V nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tín dụng” được quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ các Hợp đồng tín dụng điện tử và giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng V1 bị đơn là ông Đinh Đ T có cư trú tại địa chỉ số H đường D, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Xác minh tại địa phương “Ông Đinh Đ T có hộ khẩu thường trú nhưng thực tế không cư trú tại địa chỉ trên”. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đã tiến hành, niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ, đối chất và hòa giải tại nơi cư trú của bị đơn, tại phiên Tòa bị đơn vắng mặt và nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về yêu cầu đương sự:

[3.1] Về hợp đồng tín dụng: Theo các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp và thu thập trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Ông Đinh Đ T ký với Ngân hàng TMCP V, thỏa thuận ký giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số L2301108122372 ký ngày 09/01/2023 (1); Hợp đồng điện tử tín dụng số LN2302018234199 ký ngày 01/02/2023 (2); và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ ngày 21/3/2023;(3) cụ thể:

[3.2] Ngày 12/01/2023, V1 đã giải ngân cho ông Đinh Đ T theo hợp đồng số (1) số tiền là 150.000.000 đồng. Từ ngày 10/02/2023 đến ngày 13/4/2023 ông T đã thanh toán nợ gốc là 5.983.189 đồng, tiền lãi là 8.915.630 đồng, từ ngày 10/5/2023 ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 04/3/2025 ông T còn nợ tiền gốc là 144.016.811, tiền lãi là 102.166.907 đồng, tổng số tiền nợ gốc, lãi là 246.183.718 đồng (1).

[3.3] Ngày 02/02/2023 V1 giải ngân cho ông Đinh Đ T hợp đồng vay số (2) số tiền là 60.000.000 đồng, từ ngày thực hiện hợp đồng vay đến ngày 04/3/2025, ông T đã trả tiền gốc là 1.020.565 đồng, tiền lãi là 2.537.225 đồng hiện ông T còn nợ tiền gốc là 58.979.435 đồng, nợ lãi là 41.840.577 đồng, tổng số tiền nợ gốc, lãi là 100.820.012 đồng (2).

[3.4] Ngày 21/03/2023 V1 cấp hạn mức tín dụng hợp đồng số (3) số tiền vay là 100.000.000 đồng vào thẻ tín dụng Platinum Cashback Mastercard của ông Đinh Đ T Từ ngày 22/3/2023 đến ngày 04/03/2025 ông T còn nợ gốc là 98.810.000 đồng; lãi là 104.065.603 đồng, tổng số tiền nợ gốc và lãi là 202.875.603 đồng (3). Ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ của các hợp đồng tín dụng nêu trên, nên V1 chuyển toàn bộ khoản vay (1)+(2)+(3) của ông Đinh Đ T bị chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 10/5/2023. Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm ký kết hợp đồng bị đơn đầy đủ năng lực xác nhận về thời gian vay, phương thức thanh toán và lãi suất của hợp đồng vay tại V1 Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 thì “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng

trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật”. Vì vậy nếu đến hạn thanh toán mà bên vay không trả nợ vay hoặc thanh toán không đầy đủ tiền lãi như đã thỏa thuận thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả theo cơ chế điều chỉnh lãi suất của các hợp đồng tín dụng được thỏa thuận giữa bên cho vay và bên vay đối với khoản vay có thời hạn cho vay trên 12 tháng: Mức lãi suất cho vay trong hạn theo quy định. Lãi suất cho vay trong hạn sau đó được điều chỉnh 03 tháng/1 lần. Việc điều chỉnh lãi suất được thực hiện định kỳ vay có thời hạn cho vay tương ứng với thời hạn cho vay nêu cộng (+) biên độ 17% ("Mức lãi suất cho vay điều chỉnh"). Mức Lãi suất tham chiếu nêu trên được xác định theo Biểu Lãi suất tham chiếu áp dụng đối với các khoản vay không có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân tại V1 được V1 công bố. Đến kỳ điều chỉnh lãi suất, V1 sẽ tự động thực hiện việc điều chỉnh theo đúng các thỏa thuận nêu trên và sẽ thông báo cho khách hàng theo quy định của pháp luật. Khách hàng chấp thuận mức lãi suất mới kể từ thời điểm V1 thực hiện việc điều chỉnh. Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày tiếp theo ngày V1 giải ngân vốn vay đến hết ngày khách hàng thanh toán hết toàn bộ dư nợ cho V1 và số thực tế để tính lãi là số dư đầu ngày tính lãi.

Ngân hàng TMCP V cầu ông Đinh Đ T phải thanh toán trả ngay số tiền nợ gốc và lãi của các hợp đồng số LN2301108122372 ký ngày 09/01/2023 (1); Hợp đồng số Hợp đồng điện tử tín dụng số LN2302018234199 ký ngày 01/02/2023 (2); Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2302018234199 ký ngày 21/3/2023 (3); tính đến ngày 04/3/2025 tổng số tiền là 549.879.333 đồng, (trong đó nợ gốc là 301.806.246 đồng, lãi là 248.073.087 đồng). Yêu cầu ông Đinh Đ T còn phải trả thêm tiền lãi phát sinh từ ngày 05/03/2025 cho đến khi tất toán hết toàn bộ số tiền nợ gốc theo lãi quá hạn các hợp đồng nêu trên của Ngân hàng TMCP V là có cơ sở chấp nhận.

[4] V1 đơn yêu cầu rút một phần khởi kiện đối với các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng: Số LN2301128154602 ngày 13/01/2023. Hợp đồng số LN2301128151602 ngày 13/01/2023 và Hợp đồng LN230127820321 ngày 01/02/2023. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 39, Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với ông Đinh Đức T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng số LN2301108122372 ngày 09/01/2023; Hợp đồng điện tử tín dụng số LN2302018234199 ngày 01/02/2023; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2302018234199 ký ngày 21/3/2023. Buộc ông Đinh Đức T có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc, lãi là 549.879.333 đồng.. Ông Đinh Đức T còn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 05/04/2025 trên số tiền nợ gốc cho đến khi tất toán hết nợ theo hợp đồng tín dụng số LN2301108122372 ngày 09/01/2023; Hợp đồng điện tử tín dụng số LN2302018234199 ngày 01/02/2023; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2302018234199 ký ngày 21/3/2023.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCV V đối với các hợp đồng tín dụng số LN2301128154602 ngày 13/01/2023. Hợp đồng số LN2301128151602 ngày 13/01/2023 và Hợp đồng LN2301278203219 ngày 01/02/2023.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đinh Đức T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 25.995.000 đồng, tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 22753.369 đồng, cho Ngân hàng TMCP V biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0056707 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q.G;
- THA DS QG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**